**ĐỀ CƯƠNG CNXHKH**

**Câu 1. Giá trị và hạn chế của CNXH không tưởng thế kỷ XIX.**

**Khái niệm:** Chủ nghĩa xã hội không tưởng là một hệ thống những quan điểm, tư tưởng về giải phóng xã hội, giải phóng con người; xây dựng một xã hội mới tốt đẹp không có áp bức, bóc lột, đảm bảo cho mọi người thực sự có cuộc sống bình đẳng, hạnh phúc

*a, Giá trị:*

- Thể hiện tinh thần phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ TBCN đầy bất bình đẳng và thể hiện tinh thần nhân đạo chủ nghĩa

- Đã đưa ra nhiều luận điểm có giá trị về xã hội tương lai: chỉ ra vai trò của khoa học kỹ thuật; về giải phóng phụ nữ; vai trò lịch sử của nhà nước

- Thức tỉnh GCCN và NDLĐ trong cuộc đấu tranh chống chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ TBCN

*b, Hạn chế:*

- Không phát hiện ra được quy luật vận động và phát triển của xã hội loài người nói chung; bản chất, quy luật vận động, phát triển của CNTB nói riêng

- Không thấy được vai trò của lực lượng tiên phong lãnh đạo Cách mạng chủ nghĩa XH( GCCN&NDLD)

- Không chỉ ra được biện pháp cải tạo XH cũ, xây dựng XH mới tốt đẹp hơn (Chủ trương xây dựng xã hội mới bằng con đường không tưởng như việc tuyên truyền, chờ mong vào việc từ thiện của những nhà tư bản và sự giúp đỡ của nhà nước tư sản, coi tư tưởng về chủ nghĩa xã hội là tôn giáo mới.

**Câu 2: Điều kiện kt-xh và vai trò của Mác- Ăng gen trong việc hình thành CNXHKH**

**Khái niệm**

* **Theo nghĩa rộng**, Chủ nghĩa xã hội khoa học là chủ nghĩa Mác- Lênin, luận giải từ các giác độ triết học, kinh tế học chính trị và chính trị- xã hội về sự chuyển biến tất yếu của xã hội loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.
* **Theo nghĩa hẹp**, chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

**Điều kiện kt-xh:**

* **Kinh tế:** Vào những năm 40 cua thế kỉ 19, **cuộc cách mạng công nghiệp hhoàn thành ở nước anh** và chuyển sang nc pháp, đức, làm xuất hiện một lực lg sản xuất mới là nên đại công nghiệp. Nền đại CN phát triển làm chop hg thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có bước phát triển vượt bậc.
* **Mâu thuẫn giữa LLSX mang tính chất xã hội hóa và quan hệ sx dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân**
* **Xã hội:** sự ra đời **2 giai cấp có lợi ích cơ bản đối lập** GCCN và GCTS. Có nhiều cuộc đấu tranh của GCVS: PT hiến chương ở Anh, PT công nhân dệt ở thành phố xi-lê-di ở đức, PT công nhân dệt ở Pháp
* PTĐT đều thất bại -> đòi hỏi có lí luận dẫn đg
* Đk KT\_XH ko chỉ đặt ra yêu cầu đối với các nhà tư tưởng GCCN, mà còn là mảnh đất thực hiện cho sự ra đời lý luận mới.

**Câu 3. Giai cấp công nhân: khái niệm, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.**

Sự ra đời của giai cấp công nhân:

+ Giai cấp công nhân xuất thân từ rất nhiều các giai cấp và tầng lớp trong xã hội.

+ Là sản phẩm của nền đại công nghiệp (con đẻ của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa).

***1. Khái niệm:***

- *Giai cấp công nhân:* là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; họ lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại và gắn với quá trình sản xuất vật chất hiện đại, đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột (m); vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản.

- *Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:* là những nhiệm vụ mà giai cấp công nhân cần phải thực hiện với tư cách là giai cấp tiên phong, là lực lượng đi đầu trong cuộc cách mạng xác lập hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

1. ***Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:***

***a, Nội dung kinh tế:***

- Là **nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất xã hội hóa cao, giai cấp công nhân cũng là đại biểu cho quan hệ sản xuất mới,** tiên tiến nhất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, đại biểu cho phương thức sản xuất tiến bộ nhất thuộc về xu thế phát triển của lịch sử xã hội.

- **đóng vai trò nòng cốt trong quá trình giải phóng lực lượng sản xuất** và thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển để tạo cơ sở cho quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa ra đời.

**b, Nội dung chính trị - xã hội:**

- Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tiến hành cách mạng chính trị để **lật đổ quyền thống trị của giai cấp tư sản**, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức của chủ nghĩa tư bản, giành quyền lực về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

- Thiết lập nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

**c, Nội dung văn hóa, tư tưởng:**

**-** Giai cấp công nhân thực hiện **cuộc cách mạng về văn hóa, tư tưởng** bao gồm cải tạo cái cũ lỗi thời, lạc hậu; xây dựng cái mới, tiến bộ trong lĩnh vực ý thức tư tưởng, trong tâm lý, lối sống và trong đời sống tinh thần xã hội.

- Phát triển văn hóa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đạo đức và lối sống mới xã hội chủ nghĩa

1. ***Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân***

**a, Điều kiện khách quan:**

***Thứ nhất, do địa vị kinh tế của giai cấp công nhân quy định***

Giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong cách mạng vì họ đại biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, gắn liền với những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại. Đó là giai cấp được trang bị bởi một lý luận khoa học, cách mạng và luôn luôn đi đầu trong mọi phong trào cách mạng theo mục tiêu xóa bỏ xã hội cũ lạc hậu, xây dựng xã hội mới tiến bộ, nhờ đó có thể tập hợp được đông đảo các giai cấp, tầng lớp khác vào phong trào cách mạng.

***Thứ 2, do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân quy định***

Mặc dù là giai cấp tiên tiến, nhưng giai cấp công nhân **không có tư liệu sản xuất nên buộc bán sức lao động của mình cho nhà tư bản để sống**. Họ bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư mà họ đã tạo ra trong thời gian lao động. Một khi sức lao động đã trở thành hàng hóa, thì người chủ của nó (người vô sản) phải chịu đựng mọi thử thách, mọi may rủi của cạnh tranh; số phận của nó tùy thuộc vào quan hệ cung – cầu hàng hóa sức lao động trên thị trường làm thuê và phụ thuộc vào kết quả lao động của chính họ. Họ bị giai cấp tư sản áp bức, bóc lột và ngày càng bị bần cùng hóa cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần. Do đó, mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản là mâu thuẫn đối kháng, cơ bản, không thể điều hòa trong xã hội tư bản chủ nghĩa. .

**b, Nhân tố chủ quan:**

***Thứ nhất, là sự phát triển của giai cấp công nhân***

Là kết qủa của **quá trình phát triển tự thân, tự giác, chủ động.** Với tư cách là chủ thể thực hiện sứ mệnh lịch sử, sự phát triển của giai cấp công nhân là yếu tố chủ quan quy định chất lượng và quy mô, tốc độ của quá trình này. Sự phát triển giai cấp công nhân được thể hiện ở sự phát triển về lượng và chất.

* Phát triển về lượng của GCCN thể hiện sự tăng trưởng về số lượng cũng như tỷ lệ lao động công nghiệp trong nền kinh tế.
* Sự phát triển về chất của GCCN được thể hiện ở năng lực là chủ công nghiệp hiện đại và ý thức giác ngộ giai cấp, giác ngộ dân tộc.

***Thứ hai, là có Đảng Cộng sản, nhân tố chủ quan cơ bản để thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của GCCN.***

GCCN coi ĐCS là hạt nhân chính trị của mình và sự ra đời của Đảng là cột mốc đánh dấu sự trưởng thành của giai cấp. Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định việc GCCN có tổ chức được chính đảng trưởng thành về chính trị, tư tưởng và tổ chức là dấu hiệu đã trở thành giai cấp tự giác và đủ năng lực để thực hiện sứ mệnh lịch sử.

Đảng coi GCCN là cơ sở xã hội hàng đàu của mình. Quan hệ giũa ĐCS và GCCN là quan hệ “máu thịt”. Tính chất tiên phong thực tiễn và lý luận, tính tổ chức khoa học và chặt chẽ xã định Đảng là người lãnh đạo, là hạt nhân của GCCN.

ĐCS là đội tiên phong đấu tranh cho lợi ích của GCCN và dân tộc. Đây là sự nghiệp các mạng vĩ đại của những người lao động là bị áp bức, bóc lột đứng lên giải phóng bản thân và thoát khỏi áp bức giai cấp. Để làm tròn nhiệm vụ trên, Đảng của GCCN cần phải: nắm vững và trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin; giữ vững và không ngừng tăng cường tính chất GCCN; giữ vững quyền lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

***Thứ ba, là sự thống nhất của phong trào công nhân (phong trào công nhân từng nước với phong trào công nhân quốc tế), từng bước xây dựng ý thức đoàn kết quốc tế.***

**4, Đặc điểm của GCCN:**

* Thứ nhất: **Giai cấp công nhân là giai cấp của những người lao động sản xuất vật chất là chủ yếu** (với trình độ trí tuệ ngày càng cao, đồng thời cũng ngày càng có những sáng chế, phát minh lý thuyết được ứng dụng ngay trong sản xuất). Vì thế, giai cấp công nhân có vai trò quyết định nhất sự tồn tại và phát triển xã hội.
* Thứ hai: **Giai cấp công nhân là giai cấp đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản**. Giai cấp công nhân góp phần xóa bỏ chế độ tư hữu, xóa bỏ áp bức bóc lột, giành chính quyền và làm chủ xã hội.. Do vậy, giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để. Đây là “giai cấp dân tộc” – vừa có quan hệ quốc tế, vừa có bản sắc dân tộc và chịu trách nhiệm trước hết với dân tộc mình.

**Câu 5*:* Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: tính tất yếu, đặc điểm.**

1. **Tính tất yếu của quá độ lên CNXH:**

Quá độ lên CNXH là một tất yếu lịch sử. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ được quy định bởi 2 lý do cơ bản sau đây :  
 ***Một là* CNXH - giai đoạn đầu của hình thái KT-XH CSCN - không thể tự phát ra đời trong lòng XH cũ**. CNTB dù phát triển ở trình độ cao cũng chỉ tạo ra nhữngtiền đề vật chất cho sự ra đời của CNXH. Còn bản thân công cuộc xây dựng CNXH chỉ có thể thực hiện được chỉ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành lấy chính quyền nhà nước và sử dụng bộ máy nhà nước của mình để cải tạo XH cũ, xây dựng XH mới từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng.  
  *Hai là* với điểm xuất phát về KT - XH của XH tiền tư bản và tư bản, sau khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động trở thành chủ thể cầm quyền, trong XH đó còn **chưa có đủ những tiền đề vật chất, văn hóa và tinh thần cần thiết để thực hiện những chuẩn mực của XH XHCN.** Muốn đạt được những đặc trưng đó, phải trải qua quá trình tổ chức, xây dựng để từng bước cải tạo các quan hệ KT-XH tư bản và tiền tư bản, phát triển lực lượng sản xuất và thay đổi tương ứng trên lĩnh vực QHSX, phát triển một cơ cấu XH tiến bộ, đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phù hợp với nhu cầu giải phóng con người

1. **Đặc điểm:**

* **Về lĩnh vực chính trị:** bản chất nhất thời của thời kỳ quá độ là sự quá độ về chính trị, nhà nước chuyên chính vô sản được thiết lập, củng cố và ngày càng hoàn thiện.
* **Về lĩnh vực kinh tế:** sự phát triển chưa đồng đều của LLSX trong thời kỳ này quy định tính tất yếu khách quan trong sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế khác ngoài thành phần kinh tế XHCN, trong đó có cả những thành phần kinh tế tư bản đối lập.
* **Về lĩnh vực xã hội:** do kết cấu kinh tế trên đây quy định, trong xã hội còn nhiều giai cấp và tầng lớp khác nhau, trong đó có sự đối lập - đói kháng nhất định về những lợi ích căn bản. Trong thời kỳ này còn có sự khác biệt cơ bản giữa những thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi, lao động trí óc và lao động chân tay, vấn đề bình đẳng và công bằng xã hội cần phải được xác lập dần dần.
* **Về lĩnh vực tư tưởng và văn hóa:** còn tồn tại nhiều loại tư tưởng, văn hóa tinh thần khác nhau, có cả sự đối lập. Bên cạnh nền văn hóa mới, lối sống vừa xây dựng còn tồn tại những tàn tích của nền văn hóa cũ, lối sống cũ, tư tưởng lạc hậu, thậm chí phản động gây cản trở không nhỏ cho con đường đi lên CNXH của các dân tộc sau khi mới được giải phóng.

1. **Quá độ lên CNXH ở Việt Nam:**  
   * Cơ sở thực tiễn:*

 Nước ta có nền kinh tế lạc hậu, nhưng có điều kiện là đảng CS lãnh đạo, có khối liên minh công nông vững chắc và được sự giúp đỡ của các nước XHCN cho nên quá độ lên CNXH ở VN là một tất yếu lịch sử.  
 Nước ta quá độ lên CNXH không qua chế độ TBCN là sự lụa chọn phù hợp với đặc điểm tình hình của đất nước và quy luật phát triển của lịch sử. và phù hợp với xu thế tiến bộ của thời đại.  
 Từ năm 1930 dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng nhân dân ta đã phát huy cao độ truyền thống anh hùng bất khuất chiến đấu hy sinh ròng rã gần nữa TK để giành độc lập thống nhất cho tổ quốc Nhân dân ta chiến đấu hy sinh không chỉ giành được độc lập dân tộc mà còn vì cuộc sống tự do hạnh phúc theo lý tưởng XHCN. Sau khi hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ của cuộc CM DTDC nhân dân, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta chuyển sang thực hiện nhiệm vụ quá độ lên CNXH, Ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH đã động viên được sức mạnh của toàn dân đồng thời tranh thủ được sự ủng hộ rộng rãi và có hiệu quả của quốc tế tiêu biểu là sự ủng hộ và giúp đở của các nước XHCN. Sự giúp đỡ ủng hộ đó đã tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân ta hoàn thành nhiệm vụ của cuộc CM dân tộc dân chủ nhân dân và đang quá độ lên CNXH.

**Câu 6: Khái niệm, bản chất dân chủ xh chủ nghĩa. Liên hệ vn**

1. **Khái niệm**: Dân chủ là nhân dân cai trị, quyền lực thuộc về nhân dân, của nhân dân.
2. **Bản chất của nền DCXHCN**

* **Về bản chất chính trị,** dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa mang bản chất của giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc dưới sự lãnh đạo của Đảng thực hiện quyền lực thuộc về nhân dân. Do vậy, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa khác về chất so với nền dân chủ tư sản ở bản chất giai cấp, ở cơ chế nhất nguyên và cơ chế đa nguyên, một đảng hay nhiều đảng, ở bản chất nhà nước.
* **Về bản chất kinh tế,** nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ sở hữu xã hội về những tư liệu sản xuất chủ yếu, và thực hiện chế độ phân phối lợi ích theo kết quả lao động là chủ yếu. Do vậy, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa khác về chất so với nền dân chủ tư sản ở chế độ tư hữu về TLSX chủ yếu và duy trì sự áp bức, bóc lột, bất bình đẳng xã hội.
* **Về bản chất văn hóa – xã hội,** nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy hệ tư tưởng của CN mác-lenin làm chủ đạo. Nó kế thừa tinh hoa vắn hóa dân tộc và nhân loại. Còn trong xã hội, tạo nên sự kết hợp hài hòa về lợi ích giữa cá nhân, tập thể và toàn xã hội. Do vậy, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa khác về chất so với nền dân chủ tư sản ở hệ tư tưởng của giai cấp tư sản và trong việc đề cao, thổi phồng lợi ích cá nhân.
* Nền DCXHCN là nền dân chủ cao hơn so với nền DCTS, gấp “triệu lần” DCTS.

1. **Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở VN**

* **Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**
* Chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta được xác lập sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Tới năm 1976, nước ta đổi tên thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong đại hội VI, Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đã nhấn mạnh phát huy dân chủ để tạo ra động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước. Đảng ta khẳng định một trong những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam là do nhân dân làm chủ, Dân chủ đã được đưa vào mục tiêu tổng quát: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn mình. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế dộ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước.
* **Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**
* **Dân chủ là mục tiêu** của chế độ xã hội chủ nghĩa (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh). Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa (do nhân dân làm chủ, quyền lực thuộc về nhân dân). **Dân chủ là động lực** để xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa (phát huy sức mạnh của nhân dân, của toàn dân tộc). **Dân chủ gắn với pháp luật** (phải đi đôi với kỉ luậ, kỉ cương). Dân chủ phải được thực hiện trong đời sống thực tiễn ở tất cả các cấp, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.
* Bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được thực hiện thông qua các hình thức dân chủ gián tiếp và dân chủ trực tiếp.

+ Hình thức dân chủ trực tiếp là các thành viên trong xã hội tự bàn bạc và quyết định các công việc của chung.

+ Hình thức dân chủ gián tiếp (dân chủ đại diện) là các thành viên trong xã hội bầu ra các đại diện và giao cho họ trách nhiệm thay mặt mình bàn bạc và quyết định các công việc chung.

**Câu 7: Bản chất, chức nặng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.**

1. **Nhà nước xã hội chủ nghĩa:**

**Khaí niệm:** NN XHCN là một kiểu nhà nước mà ở đó, sự thống trị chính trị thuộc về GCCN, do cách mạng XHCN sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công CNXH, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao – xã hội XHCN

***Bản chất***

**Về chính trị**, nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp công nhân, giai cấp có lợi ích phù hợp với lợi ích chung của quần chúng nhân dân lao động.

**Về kinh tế**,

+Cơ sở KT là chế độ sở hữu xã hội về chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất chủ yếu.

+ NN XHCN vừa là bộ máy chính trị - hành chính vừa là một tổ chức quản lý kinh tế - XH của NDLĐ, nó không còn là NN theo nguyên nghĩa, mà là “nửa nhà nước”

**Về văn hóa, xã hội,**

**+** nhà nước xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên nền tảng tinh thần là lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và những giá trị văn hóa tiên tiến, tiến bộ của nhân loại, đồng thời mang những bản sắc, riêng của dân tộc.

+Sự phân hóa giữa các giai cấp, tầng lớp từng bước được thu hẹp và bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội để phát triển.

**Chức năng**

* Chức năng giai cấp (bạo lực trấn áp): Trấn áp kẻ thù và những phần tử chống đối cách mạng, giữ vững an ninh chính trị => tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển KT – XH
* Chức năng XH (tổ chức XD XH mới): Cải tạo XH cũ, XD xã hội mới trên mọi lĩnh vực. Đây là nội dung chủ yếu và là mục đích cuối cùng của nhà nước XHCN.

1. **nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

**khái niệm:** Nhà nước pháp quyền được hiểu là nhà nước mà ở đó, tất cả mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, pháp luật đảm bảo tính nghiêm minh; trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải có sự kiểm soát lẫn nhau, tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân.

**Đặc điểm:**

1. Xây dựng NN do NDLĐ làm chủ - NN của dân, do dân, vì dân

2. Nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật.

3. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

4. Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam phải do ĐCSVN lãnh đạo. Hoạt động của NN được giám sát bởi nhân dân: “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”

5. Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam tôn trọng quyền con người, coi con người là trung tâm của sự phát triển.

6. Tổ chức và hoạt động của bộ máy NN theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng bảo đảm QL là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của TW.

## Câu 8: Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

**Khái niệm:** Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội…giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

Cơ cấu xã hội - giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thường xuyên có những biến đổi mang tính qui luật sau đây:

* ***Một là*, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi gắn liền và bị quy định bởi cơ cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

Sau thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân cùng toàn thể các giai cấp, tầng lớp xã hội, các nhóm xã hội bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ mới, cơ cấu kinh tế - tất yếu có những biến đổi và những thay đổi đó cũng tất yếu dẫn đến những thay đổi trong cơ cấu xã hội theo hướng phục vụ thiết thực lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động do Đảng cộng sản lãnh đạo. Cơ cấu kinh tế trong thời kỳ quá độ tuy vận động theo cơ chế thị trường, song có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

-Cơ cấu kinh tế sẽ có những biến đổi đa dạng: cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông nghiệp và công nghiệp còn ở trình độ sơ khai chuyển sang cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỉ trọng nông nghiệp; chuyển từ cơ cấu vùng lãnh thổ còn chưa định hình sang hình thành các vùng, các trung tâm kinh tế lớn; chuyển từ cơ cấu lực lượng sản xuất hiện đại nhưng không cân đối, từ đó hình thành những cơ cấu kinh tế mới hiện đại hơn, với trình độ xã hội hóa cao và đồng bộ hài hòa hơn giữa các vùng, các khu vực, giữa nông thôn và thành thị, đô thị… Quá trình biến đổi trong cơ cấu kinh tế đó tất yếu dẫn đến những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp, cả trong cơ cấu tổng thể cũng như những biến đổi trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp xã hội, nhóm xã hội. Từ đó, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội cũng thay đổi theo.

* ***Hai là*, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi phức tạp, đa dạng, làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới.**

. Bên cạnh những dấu vết của xã hội cũ, xuất hiện những yếu tố của xã hội mới do giai cấp công nhân và các giai cấp, tầng lớp trong xã hội bắt tay vào tổ chức xây dựng, do vậy tất yếu sẽ diễn ra sự tồn tại “đan xen” giữa những yếu tố cũ và yếu tố mới. Đây là vấn đề mang tính qui luật và được thể hiện rõ nét nhất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. **Về mặt kinh tế, đó là còn tồn tại kết cấu kinh tế nhiều thành phần**. Chính cái kết cấu kinh tế đa dạng, phức tạp này dẫn đến những biến đổi đa dạng, phức tạp trong cơ cấu xã hội – giai cấp mà biểu hiện của nó là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội **còn tồn tại các giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau**. Ngoài giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, giai cấp tư sản đã xuất hiện sự tồn tại và phát triển của các tầng lớp xã hội mới như: tầng lớp doanh nhân, tiểu chủ, tầng lớp những người giàu có và trung lưu trong xã hội…

* ***Ba là*, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh, vừa liên minh, từng bước xóa bỏ bất bình đẳng xã hội dẫn đến sự xích lại gần nhau.**

Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi và phát triển trong mối quan hệ vừa có mâu thuẫn, đấu tranh, vừa có mối quan hệ liên minh với nhau. Tính đa dạng và tính độc lập tương đối của các giai cấp, tầng lớp sẽ diễn ra việc hòa nhập, chuyển đổi bộ phận giữa các nhóm xã hội và có xu hướng tiến tới từng bước xóa bỏ dần tình trạng bóc lột giai cấp trong xã hội, vươn tới những giá trị công bằng, bình đẳng. Đây là một quá trình lâu dài thông qua những cải biến cách mạng toàn diện của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là xu hướng tất yếu và là biện chứng của sự vận động, phát triển cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**Câu 9: Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (Giáo trình Chương 5 - T96)**

-

1. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam

***Nội dung kinh tế***

* Thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức theo định hướng xã hội chủ nghĩa -> Tăng cường sự hợp tác trong khối liên minh và các lực lượng khác để xây dựng nền kinh tế hiện đại
* Xác định đúng tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế của khối liên minh và các lực lượng khác để xây dựng kế hoạch đầy tư hợp lý; xác định đúng cơ cấu kinh tế, từ đó địa phương vận dụng linh hoạt và phù hợp vào địa phương mình
* Tổ chức các hình thức giao lưu, hợp tác, liên kết kinh tế giữa công nghiệp – nông nghiệp – khoa học và công nghê – dịch vụ,...; giữa các ngành kinh tế; các thành phần kinh tế, các vùng kinh tế; giữa trong nước và quốc tế... để phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống cho công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội.

***Nội dung chính trị***

* Giữ lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản
* Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa
* Động viên các lực lượng trong khối liên minh gương mẫu chấp hành đường lối, pháp luật của Đảng và Nhà nước; đấu tranh chống âm mưu “ Diễn biến hòa bình”

***Nội dung văn hóa – xã hội***

* Kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội
* Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân – thiện – mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”
* Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
* Thực hiện xóa đói giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân; chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng sống cho nhân dân; nâng cao dân trí, thực hiện tốt an sinh xã hội

2. Phương hướng liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam

* Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy biến đổi cơ cấu xã hội – giai cấp theo khuynh hướng tích cực
* Xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách xã hội tổng thể nhằm tác động tạo sự biến đổi tích cực cơ cấu xã hội, nhất là các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội – giai cấp
* Tạo sự đồng thuận và phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất giữa các lực lượng trong khối liên minh và toàn xã hội
* Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghê, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của các chủ thể trong khối liên minh
* Đổi mới hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tăng cường khối liên minh và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân

**Câu 10: Khái niệm dân tộc. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lenin. Vấn đề dân tộc ở VN hiện nay.**

1. **Khái niệm Dân tộc**

* Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, dân tộc là quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người, trải qua các hình thức cộng đồng từ thấp đến cao, bao gồm: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc, dân tộc. Sự biến đổi của phương thức sản xuất chính là nguyên nhân quyết định sự biến đổi của cộng đồng dân tộc.
* Dân tộc được hiểu theo hai nghĩa cơ bản:

+ Nghĩa rộng: Dân tộc là một hình thức cộng đồng người ổn định hợp thành nhân dân của một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước.

+ Nghĩa hẹp: Dân tộc để chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa.

1. **Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mac-Lenin**

* Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác về mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp; kết hợp phân tích hai xu hướng khách quan trong sự phát triển dân tộc; dựa vào kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới và thực tiễn cách mạng Nga trong việc giải quyết vấn đề dân tộc những năm đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin đã khái quát Cương lĩnh dân tộc như sau: “Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại”.

***Một là: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng***

* không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, ở trình độ phát triển cao hay thấp. Các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.
* , không một dân tộc nào có quyền đi áp bức, bóc lột dân tộc khác. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được thể hiện trên cơ sở pháp lý, nhưng quan trọng hơn nó phải được thực hiện trên thực tế.
* Để thực hiện được quyền bình đẳng dân tộc, trước hết phải thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, trên cơ sở đó xoá bỏ tình trạng áp bức dân tộc; phải đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan.
* Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc.

***Hai là: Các dân tộc được quyền tự quyết***

* Đó là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.
* Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền dân tộc tự quyết phải xuất phát từ thực tiễn - cụ thể và phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đảm bảo sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân.
* Quyền tự quyết dân tộc không đồng nhất với “quyền” của các tộc người thiểu số trong một quốc gia đa tộc người, nhất là việc phân lập thành quốc gia độc lập. Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, hoặc kích động đòi ly khai dân tộc.

***Ba là: Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc***

* Liên hiệp công nhân các dân tộc phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.
* Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

1. **Vấn đề dân tộc ở VN hiện nay**

* Ở nước ta, tuy vấn đề dân tộc chưa đến mức độ bùng nổ như một số nước trên thế giới; nhưng hiện nay ở một số vùng và một số dân tộc đã và đang có vấn đề phát sinh, có bất cập… Nếu ta chậm thu hẹp khoảng cách chênh lệch về các mặt giữa các vùng và các dân tộc, nhất là đời sống và cán bộ dân tộc, văn hóa dân tộc thì sẽ làm giảm lòng tin của đồng bào các dân tộc với Đảng và Nhà nước; để khoảng cách giàu - nghèo quá lớn, không có cách giải quyết tốt sẽ dẫn đến nguy cơ xung đột xã hội, gây bùng nổ dân tộc, làm mất ổn định chính trị - xã hội.
* Đặc biệt phải quan tâm thường xuyên chống lại tư tưởng kỳ thị, chia rẽ dân tộc, tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan; khắc phục tư tưởng tự ty, mặc cảm dân tộc. Đảng và Nhà nước có chính sách đúng đắn về dân tộc, khắc phục tư tưởng sai trái không thôi vẫn chưa đủ mà còn đòi hỏi sự nỗ lực cố gắng vươn lên của chính bà con người dân tộc.
* Điều cơ bản, lâu dài vẫn là tập trung phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, sớm thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mọi mặt ở những vùng có đồng bào dân tộc sinh sống; giữa miền núi, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số với các khu đô thị, vùng đồng bằng. Cần sớm có cơ chế, chính sách phục hồi và bảo vệ phát triển rừng gắn với sinh kế của người dân, tạo động lực khuyến khích người dân tích cực bảo vệ, phát triển rừng gắn với xóa đói giảm nghèo, giúp đồng bào tiêu thụ nông sản, tạo cuộc sống ổn định và phát triển, ấm no và hạnh phúc.

窗体顶端

窗体底端

**Câu 11: Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta (Giáo trình Chương 6 – T114)**

I. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo

**\* Khái niệm tôn giáo**

Tôn giáp là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan

Tôn giáo là một thực thể xã hội: có niềm tin sâu sắc vào đấng tối cao; có hệ thống giáo thuyết; có hệ thống cơ sở thờ tự, có tổ chức nhân sự, quản lý, có hệ thống tín đồ

**1. Bản chất của tôn giáo**

* **Tôn giáo là sự phản ánh hư ảo hiện thực khác quan**. Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên và xã hội trở thành siêu nhiên, thần bí. Ph. Ăngghen cho rằng “...tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo – vào trong đầu óc của con người – của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế”
* **Tôn giáo là một hiện tượng xã hội – văn hóa do con người sáng tạo ra**. Con người sáng tạo ra tôn giáo vì mục đích, lợi ích của họ, phản ánh những ước mơ, nguyện vọng, suy nghĩ của họ, Nhưng, sáng tạo ra tôn giáo con người lại bị lệ thuộc vào tôn giáo, tuyệt đối hóa và phục tùng tôn giáo vô điều kiện.

**2. Nguồn gốc của tôn giáo**

*Nguồn gốc kinh tế - xã hội của tôn giáo*

* Trong xã hội nguyên thủy, do trình độ lực lượng sản xuất chưa phát triển, con người cảm thấy yếu đuối và bất lực trước thiên nhiên rộng lớn và bí ẩn, vì vậy họ đã gắn cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực to lớn, thần thánh hóa những sức mạnh đó.
* Khi xã hội xuất hiện các giai cấp đối kháng, có áp bức bất công, do không giải thích được nguồn gốc của sự phân hóa giai cấp và áp bức bóc lột, tội ác,.. cộng với lo sợ trước sự thống trị của các lực lượng xã hội, con người trông chờ vào sự giải phóng của một lực lượng siêu nhiên ngoài trần thế

=> Như vậy, sự yếu kém về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, sự bần cùng về kinh tế, áp bức, bóc lột về chính trị, bất lực trước những bất công của xã hội là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo

*Nguồn gốc nhận thức*

* Ở một giai đoạn lịch sử nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình là có giới hạn. Khi mà khoảng cách giữa “biết” và “chưa biết vẫn tồn tại, khi những điều mà khoa học chưa giải thích được, thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính của tôn giáo
* Ngay cả những vấn đề đã được khoa học chứng minh, nhưng do trình độ dân trí thấp, chưa thể nhận thức đầy đủ thì đây vẫn là điều kiện, là mảnh đất cho tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển

=> Thực chất nguồn gốc nhận thực của tôn giáo chính là sự tuyệt đối hóa, sự cường điệu mặt chủ thể của nhận thức con người, biến cái nội dung khách quan thành cái siêu nhiên, thần thánh -> Đôi khi xa rời hiện thực, thiếu khách quan dễ rơi vào ảo tưởng, thần thánh hóa đối tượng

*Nguồn gốc tâm lý của tôn giáo*

* Sự sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên, xã hội, hay trong nhưng lúc ốm đau, bệnh tật; ngay cả những may, rủi bất ngờ xảy ra, hoặc tâm lý muốn được bình yên khi làm một việc lớn (ma chay, cưới xin, làm nhà,..) con người cũng dễ tìm đến tôn giáo. Các nhà duy vật cổ đại thường đưa ra luận điểm “sự sợ hãi sinh ra tôn giáo”. Lênin cũng cho rằng, sợ hãi trước thế lực mù quáng của tư bản …. sự phá sản “đột ngột” “bất ngờ”, “ngẫu nhiên”, làm họ bị diệt vong …, dồn họ vào cảnh chết đói, đó chính là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo hiện đại.
* Ngay cả những tình cảm tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, lòng kính trọng đối với những người có công với nước, với dân cũng dễ dẫn con người đến với tôn giáo (VD: thờ các anh hùng dân tộc, thờ các thành hoàng làng...)

**3. Tính chất của tôn giáo**

*Tính lịch sử của tôn giáo*

* Tôn giáo là một hiện tượng xã hội có tính lịch sử, nghĩa là nó có sự hình thành, tồn tại và phát triển và có khả năng biến đổi trong những giai đoạn lịch sử nhất định để thích nghi với nhiều chế độ chính trị - xã hội. Khi các điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử thay đổi, tôn giáo cũng có sự thay đổi theo
* Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, đến một giai đoạn lịch sử nào đó, khi khoa học và giáo dục giúp cho đại đa số quần chúng nhân dân nhận thức được bản chất các hiện tượng tự nhiên và xã hội thì tôn giáo sẽ dần mất đi vị trí của nó trong đời sống xã hội và cả trong nhận thức, niềm tin của mỗi người

*Tính quần chúng của tôn giáo*

* Tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hóa, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân. Hiện nay, số lượng tín đồ của các tôn giáo chiếm tỉ lệ khá cao trong dân số thế giới (gần ¾ dân số thế giới)
* Dù tôn giáo hướng con người hướng vào niềm tin hạnh phúc hư ảo của thế giới bên kia, song nó luôn phản ánh khát vọng của những người lao động về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái. Mặt khác, nhiều tôn giáo có tính nhân văn, nhân đạo và hướng thiện, vì vậy, được nhiều người ở các tầng lớp khác nhau trong xã hội, đặc biệt là quần chúng lao động tin theo

*Tính chính trị của tôn giáo*

* Khi xã hội chưa có giai cấp, tôn giáo chỉ phản ánh nhận thức hồn nhiên, ngây thơ của con người về bản thân và thế giới xung quanh mình, tôn giáo chưa mang tính chính trị
* Tính chất chính trị của tôn giáo chỉ xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp, có sự khác biệt, sự đối kháng về lợi ích giai cấp.

+ Trước hết, do tôn giáo là sản phẩm của những điều kinh tế - xã hội, phản ảnh lợi ích, nguyện vọng của các giai cấp khác nhau trong cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, nên tôn giáo mang tính chính trị

+ Mặt khác, khi các giai cấp bóc lột, thống trị sử dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích giai cấp mình, chống lại các giai cấp lao động và tiến bộ xã hội, tôn giáo mang tính chính trị tiêu cực, phản tiến bộ

* Ngày nay, tôn giáo đang có chiều hướng phát triển, đa dạng, phức tạp không chỉ ở quốc gia mà còn cả phạm vi quốc tế. Đó là sự xuất hiện các tổ chức quốc tế của tôn giáo với thế lực lớn đã tác động đến nhiều mặt, trong đó có chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Vì vậy, cần nhận thức rõ: đa số quần chúng đến với tôn giáo nhằm thõa mãn nhu cầu tinh thần; song trên thực tế đã và đang bị các thế lực chính trị – xã hội lợi dụng để thực hiện mục đích ngoài tôn giáo của họ.

II. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta (Giáo trình Chương 6 – T119)

**1. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam**

***Thứ nhất: Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo***

Nước ta hiện nay có 13 tôn giáo đã được công nhận tư cách pháp nhân (Phật giáo, Công giáo, Hồi giáo, Tin lành, Cao Đài,...) và trên 40 tổ chức tôn giáo đã được công nhận về mặt tổ chức hoặc đã đăng ký hoạt động

***Thứ hai: Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo***

***Thứ ba: Tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc***

***Thứ tư: Hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ***

Chức sắc tôn giáo là tín đồ có chức vụ, phẩm sắc trong tôn giáo, họ tự nguyện thực hiện thường xuyên nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật của tôn giáo mà mình tin theo

Về mặt tôn giáo, chức năng của họ là truyền bá, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi, quản lý tổ chức của tôn giáo, duy trì, củng cố, phát triển tôn giáo, chuyên chăm lo đến đời sống tâm linh của tín đồ.

***Thứ năm: Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài***

Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới -> Đây là điều kiện gián tiếp củng cố và phát sinh mối quan hệ giữa các tôn giáo Việt Nam với tôn giáo ở các nước trên thế giới

Việc giải quyết vẫn đề tôn giáo ở Việt Nam phải đảm bảo kết hợp giữa mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế với việc bảo đảm độc lập, chủ quyền, không để cho kẻ địch lợi dụng dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo để chống phá, can thiệp vào công việc nội bộ của Nhà nước Việt Nam nhằm thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình đối với nước ta”.

**2. Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta**

***Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta***

* Đảng ta khẳng định, tín ngưỡng, tôn giáo sẽ tồn tại lâu dài cùng dân tộc trong quá trinhg xây dựng chủ nghĩa xã hội.
* Sự khẳng định đó mang tính khoa học và cách mạng, hoàn toàn khác với cách nhìn nhận chủ quan, tả khuynh khi cho rằng có thể bằng các biện pháp hành chính, hay khi trình độ dân trí cao, đời sống vật được bảo đảm là có thể làm cho tín ngưỡng, tôn giáo mất đi; hoặc duy tâm, hữu khuynh khi nhìn nhậm tín ngưỡng, tôn giáo là hiện tượng bất biến, độc lập, thoát ky với mọi cơ sở kinh tế - xã hội, thể chế chính trị.
* Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật

***Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc***

* Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo
* Nhà nước xã hội chủ nghĩa:

- Một mặt, nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ, phân biệt đối xử vì lí do tín ngưỡng, tôn giáo

- Mặt khác, thông qua quá trình vận động quần chúng nhân dân tham gia lao động sản xuất, hoạt động xã hội thực tiễn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần,... để tăng cường sự đoàn kết vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, để cùng nhau xây dựng và bảo vể Tổ quốc

* Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật với chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia

***Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng***

* Công tác vận động quần chúng các tôn giáo nhằm động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất đát nước
* Đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa vùng đồng bào theo các tôn giáo, nhằm nâng cao trình độ, đời sống mọi mặt cho đồng bào, làm cho quần chúng nhân dân nhận thức đầy đủ, đúng đắn, tích cực, nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trong đó có chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

***Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị***

* Công tác tôn giáo liên quan đến chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng, Nhà nước. Nó không chỉ liên quan đến quần chúng tín đồ, chức sắc của tôn giáo, mà còn gắn liền với công tác đấu tranh với âm mưu, hoạt động lợi dụng tôn giáo gây phương hại đến lợi ích Tổ quốc, dân tộc
* Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị: hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị do Đảng lãnh đạo

***Vấn đề theo đại và truyền đạo***

* Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật
* Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép người dân theo đạo

**Câu 12: Nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lenin trong giái quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Vấn đề tôn giáo ở VN hiện nay.**

1. ***Nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lenin trong giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH***

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tôn giáo vẫn còn tồn tại, tuy đã có sự biến đổi trên nhiều mặt. Vì vậy, khi giải quyết vấn đề tôn giáo cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

***Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân***

Tín ngưỡng tôn giáo là niềm tin sâu sắc của quần chúng vào đấng tối cao, đấng thiêng liêng nào đó mà họ tôn thờ, thuộc lĩnh vực ý thức tư tưởng. Do đó, tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng thuộc quyền tự do tư tưởng của nhân dân. Quyền

này nói lên rằng việc theo đạo, đổi đạo, hay không theo đạo là thuộc quyền tự do lựa chọn của mỗi người dân, không một cá nhân, tổ chức nào, kể cả các chức sắc tôn giáo, tổ chức giáo hội… được quyền can thiệp vào sự lựa chọn này. Mọi hành vi cấm đoán, ngăn cản tự do theo đạo, đổi đạo, bỏ đạo hay đe dọa, bắt buộc người dân phải theo đạo đều xâm phạm đến quyền tự do tư tưởng của họ.

Tôn trọng tự do tín ngưỡng cũng chính là tôn trọng quyền con người, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa không can thiệp và không cho bất cứ ai can thiệp, xâm phạm đến quyền tự do tín ngưỡng, quyền lựa chọn theo hay không theo tôn giáo của nhân dân. Các tôn giáo và hoạt động tôn giáo bình thường, các cơ sở thờ tự, các phương tiện phục vụ nhằm thoả mãn nhu cầu tín ngưỡng của người dân được Nhà nước xã hội chủ nghĩa tôn trọng và bảo hộ.

* ***Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới***

Nguyên tắc này để khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ hướng vào giải quyết những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo đối với quần chúng nhân dân mà không chủ tr- ương can thiệp vào công việc nội bộ của các tôn giáo. Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng, muốn thay đổi ý thức xã hội, trước hết cần phải thay đổi bản thân tồn tại xã hội; muốn xoá bỏ ảo tưởng nảy sinh trong tư tưởng con người, phải xoá bỏ nguồn gốc sinh ra ảo tưởng ấy. Điều cần thiết trước hết là phải xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói và thất học… cũng như những tệ nạn nảy sinh trong xã hội. Đó là một quá trình lâu dài, và không thể thực hiện được nếu tách rời việc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

* ***Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo***

Trong xã hội công xã nguyên thuỷ, tín ngưỡng, tôn giáo chỉ biểu hiện thuần tuý về tư tưởng. Nhưng khi xã hội đã xuất hiện giai cấp thì dấu ấn giai cấp - chính trị ít nhiều đều in rõ trong các tôn giáo. Từ đó, hai mặt chính trị và tư tưởng thường thể hiện và có mối quan hệ với nhau trong vấn đề tôn giáo và bản thân mỗi tôn giáo.

Mặt chính trị phản ánh mối quan hệ giữa tiến bộ với phản tiến bộ, phản ánh mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp, mâu thuẫn giữa những thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng với lợi ích của nhân dân lao động. Mặt tư tưởng biểu hiện sự khác nhau về niềm tin, mức độ tin giữa những người có tín ngưỡng tôn giáo và những người không theo tôn giáo, cũng như những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, phản ánh mâu thuẫn không mang tính đối kháng.

Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo thực chất là phân biệt tính chất khác nhau của hai loại mâu thuẫn luôn tồn tại trong bản thân tôn giáo và trong vấn đề tôn giáo. Sự phân biệt này, trong thực tế không đơn giản, bởi lẽ,

trong đời sống xã hội, hiện tượng nhiều khi phản ánh sai lệch bản chất, mà vấn đề chính trị và tư tưởng trong tôn giáo thường đan xen vào nhau. Mặt khác, trong xã hội có đối kháng giai cấp, tôn giáo thường bị yếu tố chính trị chi phối rất sâu sắc, nên khó nhận biết vấn đề chính trị hay tư tưởng thuần tuý trong tôn giáo. Việc phân biệt hai mặt này là cần thiết nhằm tránh khuynh hướng cực đoan trong quá trình quản lý, ứng xử những vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

* ***Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo***

Tôn giáo không phải là một hiện tượng xã hội bất biến, ngược lại, nó luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng tuỳ thuộc vào những điều kiện kinh tế - xã hội - lịch sử cụ thể. Mỗi tôn giáo đều có lịch sử hình thành, có quá trình tồn tại và phát triển nhất định. Ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội không giống nhau. Quan điểm, thái độ của các giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về những lĩnh vực của đời sống xã hội luôn có sự khác biệt. Vì vậy, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề có liên quan đến tôn giáo và đối với từng tôn giáo cụ thể.

1. ***Vấn đề tôn giáo ở VN hiện nay***

* Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, vì vậy giải quyết vấn đề tôn giáo ở VN cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Nhà nước trong thời đại hội nhập mở cửa hiện nay. Hiểu được điều đó, Nhà nước đã thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, trong đó có đồng bào các tôn giáo, góp phần giữ vững ổn định tình hình xã hội, an ninh chính trị; đoàn kết dân tộc được củng cố.

**- Chủ động giải quyết các mối quan hệ giữa Nhà nước và tôn giáo, đồng thời thúc đẩy việc tự điều chỉnh của tôn giáo để thích ứng với sự quản lý của Nhà nước XHCN.**

+ Mâu thuẫn giữa Nhà nước với tôn giáo là một tất yếu khách quan bởi Nhà nước Việt Nam là nhà nước thế tục, hình thái chủ thể của xã hội Việt Nam là duy vật - vô thần nhưng tôn giáo lại là sự kết hợp giữa duy tâm và thần luận. Đứng trên quan điểm hệ thống, các tôn giáo là tiểu hệ của hệ thống xã hội Việt Nam, các kết cấu thứ bậc trong tiểu hệ thống chỉ quyết định, quy định phương thức hoạt động của riêng nó. Việc các tiểu hệ thống phải thích ứng với chỉnh thể là hợp lý. Quá trình thích ứng có xảy ra mâu thuẫn đặc biệt là ở các vấn đề liên quan đến đất đai thờ tự, nơi sinh hoạt tôn giáo, hình thức sinh hoạt tôn giáo, yếu tố thẩm mỹ, đạo đức v.v.. Nhưng đó là những mâu thuẫn giải quyết được. Trong những năm qua, các cơ quan quản lý nhà nước luôn chủ động giải quyết các mâu thuẫn này bằng pháp luật, qua phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị để vận động quần chúng là các tín đồ, chức sắc, tu sĩ tôn giáo thực hiện theo pháp luật; tạo dư luận xã hội, buộc chức năng tự điều chỉnh và điều khiển của các tôn giáo phải phát huy nhằm thích ứng với các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục của Việt Nam; hướng các tôn giáo chủ động, tích cực tham gia vào sự nghiệp đổi mới, CNH, HĐH đất nước.

+ Thực tiễn cho thấy, tôn giáo có sự thích ứng về căn bản với Nhà nước trong một giai đoạn nhất định, song cùng với sự phát triển của xã hội có thể phát sinh sự không thích ứng mới đòi hỏi phải có những điều chỉnh. Việc thực hiện mở cửa sâu rộng không chỉ về mặt kinh tế, chính trị mà cả trong lĩnh vực tôn giáo cùng với việc tăng cường dân chủ hóa đời sống xã hội ở Việt Nam hiện nay là cơ hội để các tôn giáo giao lưu với thế giới cũng như tăng cường sự thích ứng với xã hội XHCN, thích ứng với sự quản lý của nhà nước XHCN. Quá trình thích ứng, tái thích ứng sâu rộng với xã hội XHCN là một tất yếu khách quan trong mối quan hệ giữa Nhà nước và tôn giáo ở Việt Nam

**- Phát huy những điểm tương đồng của tôn giáo và CNXH, những yếu tố tích cực của tôn giáo trong đời sống xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.**

+ Có thể thấy sự khác biệt giữa lý tưởng tôn giáo và CNXH cơ bản nằm trong khuôn khổ của thế giới quan cũng như phương pháp luận và lực lượng thực hiện sứ mệnh giải phóng con người. Tôn giáo hứa hẹn xã hội hoàn thiện ở một thế giới khác, trong khi CNXH chủ trương thay đổi cái nhà nước và xã hội hiện tại bằng một xã hội khác cao hơn, tiến bộ hơn, công bằng hơn. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà nhà nước XHCN phủ nhận nhu cầu tâm linh của quần chúng - chừng nào đồng bào có đạo còn có nhu cầu ấy. Sự khác nhau về thế giới quan không hoàn toàn dẫn đến sự khác nhau về quan điểm chính trị. Người có, cũng như không có tín ngưỡng, tôn giáo vẫn có thể cùng phấn đấu cho một mục tiêu chính trị nhất định. Thực tế là có nhiều điểm tương đồng giữa mục tiêu, khát vọng của các tôn giáo với nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa, đạo đức của CNXH.

+ Tiếp tục phát huy yếu tố tích cực của các tôn giáo trong đời sống xã hội, các cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo đã luôn tạo điều kiện, vận động để các tổ chức tôn giáo thực hiện tốt vai trò dẫn dắt các tín đồ hành đạo, khơi dậy và phát huy những mặt tích cực trong hoạt động, sinh hoạt của các tôn giáo hợp pháp, từ thiện cứu giúp nhân đạo; biểu dương những nhà tu hành, những tín đồ thực hiện tốt phương châm “tốt đời, đẹp đạo”... Đồng thời, luôn cảnh giác đấu tranh, ngăn chặn các tổ chức, cá nhân lợi dụng tôn giáo để gây chia rẽ khối đại đại đoàn kết dân tộc, đội lốt tôn giáo vì các mưu đồ kinh tế, chính trị, chống phá sự nghiệp cách mạng.

**- Mở rộng đối ngoại trong lĩnh vực tôn giáo, chống kẻ thù lợi dụng tôn giáo**

+ Các tôn giáo lớn của Việt Nam như Công giáo, Phật giáo, Tin Lành... đều du nhập từ bên ngoài; do đó các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam với mức độ khác nhau, trong phạm vi điều kiện hoạt động nhất định đều có mối quan hệ với các tôn giáo đồng đạo trên thế giới. Một số tôn giáo nội sinh cũng tăng cường tìm kiếm, mở rộng liên hệ với các cộng đồng dân cư trên toàn cầu để hành đạo.

+ Đối ngoại tôn giáo được tăng cường như: trao đổi đoàn; tham dự các diễn đàn, hội thảo đối thoại về nhân quyền, tôn giáo với các nước EU, Mỹ, Ốtxtrâylia, với Ủy ban ->qua đó có những điều chỉnh chính sách cho phù hợp.

 + Các cuộc tiếp xúc thường xuyên, thân tình, khách quan giữa sứ quán các nước, các tổ chức quốc tế, phóng viên, báo chí nước ngoài với các cơ quan trung ương và địa phương của Việt Nam, tiếp cận với thực tế ở các vùng, miền nhạy cảm về tôn giáo, các nhân vật tôn giáo để hiểu rõ hơn tình hình và chính sách tôn giáo của Việt Nam

**- Giải quyết các vấn đề tôn giáo ngay từ cơ sở**

+ Trong thời gian qua, các cấp chính quyền đã tuân thủ việc thực hiện quản lý nhà nước về tôn giáo bằng pháp luật; đã cùng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đi sâu vận động quần chúng tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành xây dựng tốt phong trào sống tốt đời, đẹp đạo để vừa làm tốt việc đạo, vừa góp phần xây dựng đất nước.

+ Đối với vấn đề một số người lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề mê tín dị đoan, thương mại hóa, sự xuất hiện xu hướng đa dạng tôn giáo với sự ra đời của nhiều hệ phái, dòng tu; kéo theo đó là hàng loạt vấn đề bất ổn như tách, lập giáo họ, chuyển nhượng, hiến đất xây nơi thờ tự trái phép, đòi đất đai, nhà thờ v.v.. nguyên tắc quản lý tôn giáo ở cơ sở được quán triệt thực hiện là: có lý, đúng luật, được quần chúng nhân dân đồng tình, ủng hộ. Phương châm thực hiện là sử dụng triệt để các yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, vừa tranh thủ, vừa đấu tranh khi giải quyết các vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo, lấy tranh thủ là chính góp phần giải quyết phần lớn sự việc, vụ việc tôn giáo từ cơ sở.

**- Bên cạnh những mặt tích cực, chủ động, công tác quản lý nhà nước về tôn giáo ở Việt Nam hiện nay còn những hạn chế:**

+ Hệ thống các văn bản pháp luật, pháp quy về tín ngưỡng, tôn giáo chưa đồng bộ, thiếu các quy định và điều khoản thi hành trong việc giải quyết về đất đai liên quan đến tôn giáo; về quản lý hoạt động tín ngưỡng, sinh hoạt tôn giáo của người nước ngoài tại Việt Nam; chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng...; thiếu các chính sách cụ thể để đưa vào quản lý các tôn giáo chưa được công nhận về tổ chức hay các tổ chức tín ngưỡng mang màu sắc tôn giáo, làm giảm hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

+ Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo các cấp có nhiều điểm chưa phù hợp với nhiệm vụ được giao. Còn tồn tại nhận thức cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo chỉ là Ban tôn giáo các cấp, dẫn đến việc thực hiện quản lý nhà nước về tôn giáo bị bó hẹp, hạn chế, yếu kém.

+ Công tác quản lý nhà nước hiện tập trung nhiều vào các tôn giáo đã được Nhà nước công nhận. Việc ngăn chặn, đấu tranh với các tôn giáo không hợp pháp và những hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật còn bị động, tại nhiều thời điểm chưa khôn khéo, kịp thời.

+ Tiến độ giải quyết các thủ tục hành chính về lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng liên quan đến nhiều cấp, ngành còn chậm. Việc phối hợp các cấp, các ngành xử lý các vấn đề nảy sinh trong tôn giáo, liên quan đến các hoạt động đối nội, đối ngoại, kinh tế, văn hóa, xã hội còn thiếu đồng bộ.

+ Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo còn nhiều hạn chế, giảm dần theo từng cấp; xuống đến cấp cơ sở về cơ bản năng lực chuyên môn chưa bảođảm.

+ Thiếu một chiến lược mang tính tổng thể của ngành quản lý nhà nước về tôn giáo từ công tác tổ chức, con người, nguyên tắc xử lý công việc. Hoạt động hiện tại vẫn nặng về giải quyết sự vụ, sự việc...

**Câu 13: Vị trí, chức năng của gia đình. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kì quá độ lên CNXH. Vấn đề gia đình và xây dựng gia đình ở Việt Nam hiên nay**

Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ các thành viên trong gia đình

I. Vị trí, chức năng của gia đình (Giáo trình chương 7 – T129)

**1. Vị trí của gia đình trong xã hội**

***Gia đình là tế bào của xã hội***

* Gia đình có vai trò quyết định đối với sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội
* Với việc sản xuất tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất, tái sản xuất ra con người, gia đình như một tế bào tự nhiên, là một56 đơn vị cơ sở để tạo nên cơ thể - xã hội. Không có gia đình để tái tạo ra con người thì xã hội không thể tồn tại và phát triển được -> Muốn có xã hội phát triển lành mạnh thì phải quan tâm xây dựng tế bào gia đình tốt
* Tuy nhiên mức độ tác động của gia đình đối với xã hội còn phụ thuộc vào bản chất của từng chế độ xã hội. Trong các chế xã hội dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, sự bất bình đẳng trong quan hệ gia đình, quan hệ xã hội đã hạn chế rất lớn đến sự tác động của gia đình đối với xã hội.

***Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên***

* Từ khi còn nằm trong bụng mẹ, đến lúc lọt lòng và suốt cuộc đời, mỗi cá nhân đều gắn bó chặ chẽ với gia đình
* Gia đình là môi trường tốt nhất để mỗi cá nhân được yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, trưởng thành, phát triển
* Sự yên ổn, hạnh phúc của mỗi gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, thể lực, trí lực để trở thành công dân tốt cho xã hội

***Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội***

* Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên mà mỗi cá nhân sinh sống, có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách từng người.
* Tuy nhiên, mỗi cá nhân không chỉ là thành viên của gia đình mà còn là thành viên của xã hội. Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình đồng thời cũng là quan hệ giữa các thành viên của xã hội. Không có cá nhân bên ngoài gia đình, cũng không thể có cá nhân bên ngoài xã hội. Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên đáp ứng nhu cầu quan hệ xã hội của mỗi cá nhân, cũng chính là môi trường đầu tiên mà mỗi cá nhân học được và thực hiện quan hệ xã hội
* Ngược lại, gia đình cũng là một trong những cộng đồng để xã hội tác động đến cá nhân. Nhiều thông tin, hiện tượng của xã hội thông qua lăng kính gia đình mà tác động tích cực hoặc tiêu cực đến sự phát triển của mỗi cá nhân về tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhân cách,..

**2. Chức năng của gia đình**

***Chức năng tái sản xuất ra con người***

- Là chức năng đặc thù của gia đình

* Đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người
* Đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ
* Đáp ứng nhu cầu về sức lao động và duy trì sự trường tồn của xã hội

- Việc thực hiện chức năng tái sản xuất ra con người là việc của gia đình và xã hội, vì:

* Quyết định đến mật độ dân cư và nguồn lực lao động
* Liên quan đến sự phát triển của mọi mặt đời sống xã hội

Liên hệ với Việt Nam: Chức năng này được thực hiện theo xu hướng hạn chế, cụ thể là chính sách kế hoạch hóa gia đình: “Mỗi gia đình chỉ nên có từ 1 đến 2 con”. Vì trình độ phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta còn thấp, dân số đông (98,3 triệu người)

***Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục***

- Là trách nhiệm của cha mẹ với con cái, của gia đình với xã hội

* Thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ
* Hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống của mỗi người

-> Gia đình là một môi trường văn hóa, giáo dục

- Đây là chức năng hết sức quan trọng

* Ảnh hưởng lâu dài và toàn diện đến cuộc đời của mỗi thành viên
* Góp phần to lơn vào việc đào tạo thế hệ trẻ

-> Giáo dục của gia đình gắn liền với giáo dục của xã hội

Liên hệ với Việt Nam:

* Nhiều gia đình giáo dục rất tốt cho con về cả nhân cách lẫn kiến thức
* Bên cạnh đó, có một số trường hợp giáo dục con chưa đúng cách đã gây ra những ảnh hưởng rất tiêu cực

***Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng***

- Gia đình là đơn vị duy nhất tham gia vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động

- Gia đình là một đơn vị tiêu dùng trong xã hội

+ Thực hiện chức năng tổ chức tiêu dùng hàng hóa

-> Duy trì đời sống cũng như sinh hoạt gia đình

+ Sử dụng hợp lý các khoản thu nhập

-> Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần

+ Sử dụng quỹ thời gian nhàn rỗi

-> Tạo ra môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình

- Chức năng kinh tế của gia đình

* Có sự khác nhau về quy mô sản xuất, sở hữu tư liệu sản xuất cà cách thức tổ chức sản xuất và phân phối
* Quyết định hiệu quả đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên trong gia đình
* Đóng góp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra của cải, sự giàu có của xã hội

Liên hệ với Việt Nam: Gia đình vẫn là một yếu tố quan trọng trong phát triển kinh tế

* Việc tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo ở các gia đình không chỉ có lợi ích cho các cá nhân mà còn đưa nước ta có sự vượt bậc về kinh tế
* Gia đình cũng đã tạo ra và cung cấp một lượng lớn người lao động cho xã hội và nền kinh tế

***Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình***

- Là chức năng thường xuyên của gia đình

- Bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe

- Vừa là nhu cầu tình cảm vừa là trách nhiệm, đạo lý, lương tâm của mỗi người

-> Có ý nghĩa quyết định đến sự ổn định và phát triển của xã hội

Liên hệ với Việt Nam: Sự du nhập của các nền văn hóa mới và sự thay đổi của nền kinh tế -> nhiều giá trị truyền thống bị thay đổi

* Các gia đình có hai thế hệ tăng cao
* Việc trao đổi qua lại giữa các thế hệ cũng giảm đáng kể
* Việc gắn kết giữa gia đình và đại gia đình hay dòng họ chỉ còn tồn tại ở nhiều nhóm nông thôn, cao tuổi

\* Ngoài chức năng trên, gia đình còn có chức năng văn hóa, chính trị

* Chức năng văn hóa: Gia đình là nơi lưu giữ truyền thống văn hóa của dân tộc, những phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa. Gia đình không chỉ là nơi lưu giưc mà còn là nơi thụ hưởng những giá trị, văn hóa của xã hội
* Chức năng chính trị: Gia đình là một tổ chức chính trị của xã hội, là nơi tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước và quy chế (hương ước) của làng xã và hưởng lợi từ hệ thống pháp luật chính sách, quy chế đó